

# Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (HAH: HOSE)



**MUA – Giá mục tiêu 1 năm: 87.000 đồng/cp**

Giá hiện tại (ngày 11/11/2021): 70.700 đồng/cp

**Lê Huyền Trang**

[tranglh@ssi.com.vn](mailto:tranglh@ssi.com.vn)

+84 24 3936 6321 ext. 8717

Ngày 12/11/2021

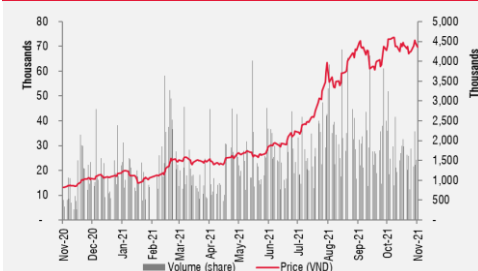
**NGÀNH CÔNG NGHIỆP**

## Các chỉ số chính

Giá trị vốn hoá (triệu USD):	149
Giá trị vốn hoá (tỷ VND):	3.351
Số cổ phiếu lưu hành (triệu)	47
Giá Cao/thấp nhất trong 52 tuần ('000 VND)	75,5/12,85
KLGD trung bình 3 tháng (cp)	2.019.015
KLGD trung bình 3 tháng (triệu USD)	5,79
KLGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng)	131,08
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%)	11,43
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%)	0

Nguồn: SSI Bloomberg

## Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: Bloomberg

## Thông tin cơ bản về công ty

HAH được thành lập năm 2009, là công ty điều hành cảng Hải An tại Hải Phòng. Mạng lưới logistic đã từng bước được mở rộng với 3 nhánh chính: Khai thác cảng, Vận tải và Depot & Logistics. Công ty đặt mục tiêu sở hữu một mạng lưới logistics tích hợp hoàn chỉnh tại Việt Nam. Hiện tại, Hải An chủ yếu hiện diện ở miền Bắc, với cảng Hải An ở Hải Phòng và Depot PAN - HAIAN ở khu vực Đình Vũ ở Hải Phòng. Mục tiêu những năm tới là mở rộng mạng lưới logistics ở miền Trung và miền Nam.

## CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH Q3/2021

### Các hợp đồng cho thuê tàu dài hạn đảm bảo lợi nhuận trong 2 năm tới

#### Luận điểm đầu tư

HAH mới đây đã ký hợp đồng cho thuê dài hạn thêm 2 tàu từ Q4/2021, giúp đảm bảo lợi nhuận trong 2 năm tới bất chấp các biến động về giá cước. Ngoài ra, HAH duy trì ổn định số tàu chạy các tuyến vận tải nội địa và có thể hưởng lợi từ diễn biến giá cước thuận lợi. Chúng tôi cho rằng cơ cấu đội tàu cân đối thể hiện sự khác biệt của HAH so với các công ty cùng ngành, thể hiện tầm nhìn của công ty tập trung vào tăng trưởng dài hạn hơn là lợi nhuận ngắn hạn.

Trong Q4/2021 và cả năm 2022, HAH kỳ vọng có thể duy trì tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ nhờ các hợp đồng cho thuê tàu mới và diễn biến giá cước thuận lợi. Do đó, chúng tôi điều chỉnh tăng 16% và 17% ước tính LNST cổ đông công ty mẹ năm 2021 và 2022 lên 383 tỷ đồng (+177%) và 660 tỷ đồng (+72%). EPS 2021 và 2022 ước tính là 7.761 đồng và 12.437 đồng. Chúng tôi nhắc lại khuyến nghị **MUA** đối với HAH và điều chỉnh tăng 11% giá mục tiêu 1 năm lên **87.000 đồng/cp** (tiềm năng tăng giá 23%).

#### Tóm tắt các chỉ tiêu về tài chính

(tỷ đồng)	2017	2018	2019	2020	2021F	2022F
Doanh thu thuần	778	1.054	1.109	1.192	1.887	2.089
Tăng trưởng doanh thu thuần	59,5%	35,5%	5,2%	7,5%	58,3%	10,7%
Lợi nhuận gộp	204	219	219	239	613	1.032
Biên lợi nhuận gộp	26,2%	20,8%	19,8%	20,1%	32,5%	49,4%
Thu nhập tài chính	17	15	15	17	12	14
Chi phí tài chính	-6	-10	-17	-25	-41	-34
SG&A	-45	-61	-67	-68	-94	-104
Thu nhập khác	0	23	3	0	22	0
Lợi nhuận trước thuế	173	188	156	170	518	914
Lợi nhuận ròng	153	159	133	147	440	777
Tăng trưởng lợi nhuận ròng	14,0%	4,1%	-16,5%	10,4%	200,4%	76,4%
Biên lợi nhuận ròng	19,6%	15,1%	12,0%	12,3%	23,3%	37,2%
EPS (VND)	4.166	2.691	2.417	2.801	7.761	12.437

Nguồn: SSI Research

## CẬP NHẬT KQKD Q3/2021

(tỷ đồng)	3Q21	3Q20	YoY	2Q21	QoQ	% hoàn thành KH năm	TSLN		
							3Q21	3Q20	2Q21
Doanh thu thuần	476	288	65,0%	449	5,9%	77%			
Lợi nhuận gộp	140	45	212,8%	141	-1,0%		29,4%	15,5%	31,4%
Lợi nhuận hoạt động	127	30	323,3%	126	0,7%		26,8%	10,4%	28,2%
EBIT	129	31	310,3%	125	3,3%		27,1%	10,9%	27,8%
EBITDA	129	31	310,3%	125	3,3%		27,1%	10,9%	27,8%
Lợi nhuận trước thuế	120	25	389,8%	116	3,3%		25,3%	8,5%	25,9%
Lợi nhuận ròng	101	22	367,3%	98	3,2%		21,2%	7,5%	21,7%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	93	23	302,2%	82	12,8%	153%	19,5%	8,0%	18,3%

Nguồn: HAH, SSI Research

**HAH đạt KQKD mạnh mẽ trong Q3/2021, với doanh thu và lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ (NPATMI) đạt 475,6 tỷ đồng (+65% so với cùng kỳ) và 92,9 tỷ đồng (gấp 4 lần cùng kỳ).** Cần lưu ý rằng Q3 là giai đoạn đỉnh điểm của làn sóng Covid-19 thứ 4 tại Việt Nam, khiến tổng sản lượng thông qua các cảng biển trong nước giảm -5%. HAH vượt trội so với các công ty cùng ngành và duy trì tăng trưởng cao ở tất cả các phân khúc. Tổng sản lượng Q3/2021 tăng 38% đạt 277 nghìn TEU. Biên lợi nhuận tất cả các phân khúc đều cải thiện, giúp biên lợi nhuận gộp chung đạt 29,4% trong Q3/2021 so với 15,5% trong Q3/2020. Lũy kế 9T2021, doanh thu và NPATMI đạt 1,3 nghìn tỷ đồng (+55% so với cùng kỳ) và 242 tỷ đồng (+173%), hoàn thành 77% và 153% kế hoạch năm.

## KQKD Q3/2021 theo phân khúc

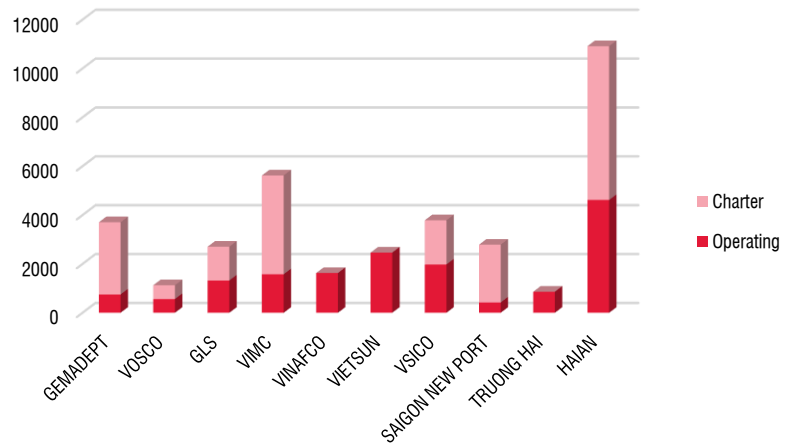
Phân khúc	Sản lượng (TEU)	% YoY	Doanh thu (tỷ đồng)	% YoY	LN gộp (tỷ đồng)	% YoY	Ghi chú
Cảng	113.225	25,9%	81.840	21,5%	34.102	69,8%	Cảng Hải An tăng trưởng cao nhất trong cụm cảng Hải Phòng, trong khi tổng sản lượng khu vực này chỉ tăng 4% trong Q3/2021
Vận tải	128.570	44,8%	510.739	83,6%	89.329	384,7%	Sản lượng trong nước đạt 89 nghìn TEU (+10%); sản lượng quốc tế đạt 39 nghìn TEU (x5). Tăng trưởng cao do giá tăng và cho thuê thêm 2 tàu trong Q3 thay vì 1 tàu trong cùng kỳ năm ngoái.
Depot	34.996	59,1%	29.097	145,2%	5.390	907,7%	PAN-Haian đạt 60% công suất và gần đạt điểm hòa vốn trong Q3/2021 (lỗ nhẹ 1,1 tỷ đồng)

Nguồn: HAH, SSI Research

## Tin cập nhật

- Tái cơ cấu đội tàu với thêm hai hợp đồng cho thuê tàu mới.** HAH tiếp tục điều chỉnh cơ cấu đội tàu nhằm tối ưu hóa lợi nhuận phân khúc vận tải. Gần đây, trong tháng 9, công ty đã ký hợp đồng cho thuê tàu thứ 3 tên là Haian West với kỳ hạn 2 năm. Công ty cũng lên kế hoạch cho thuê thêm tàu Haian Mind từ tháng 11 với kỳ hạn 2 năm. Cần lưu ý rằng HAH đã hủy tuyến TP.HCM – Singapore và sẽ tập trung vào các tuyến trong nước (3-4 chuyến/ tuần) và tuyến Hải Phòng – Hong Kong (hàng tuần). Danh mục đội tàu của HAH sẽ bao gồm 4 tàu cho thuê và 4 tàu tự vận hành, giúp HAH đẩy mạnh doanh thu cho thuê tàu đồng thời duy trì thị phần trong nước.
- Giá cước vận chuyển trong nước tăng đáng kể từ Q4.** HAH thực hiện điều chỉnh giá dịch vụ vận chuyển 3 lần kể từ tháng 9, tương ứng giá trung bình tăng +50% so với cùng kỳ và 40% từ Q3. Như đã đề cập trong báo cáo trước ([link](#)), điều này phản ánh nhu cầu vận chuyển container mạnh mẽ trong Q4 khi hoạt động sản xuất dần hồi phục sau Covid, và nguồn cung container trong nước khan hiếm do nhiều tàu đã được cho thuê ra thị trường quốc tế. Theo ước tính của chúng tôi, 55% đội tàu container của Việt Nam đã được cho thuê ra nước ngoài, trong đó nhiều hợp đồng dài hạn kéo dài đến 2 năm. Do đó, chúng tôi ước tính việc thiếu cung và giá cước cao sẽ duy trì ít nhất 1-2 năm tới.

## Đội tàu container tại Việt Nam (TEU)



Nguồn: HAH, SSI Research

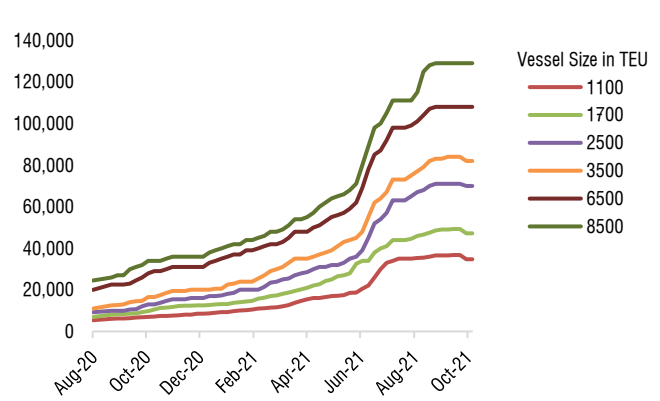
- Điều chỉnh giá cước giao ngay trên thị trường quốc tế.** Chúng tôi nhận thấy giá cước container quốc tế đã giảm 11% từ mức đỉnh trong tháng 10, trong khi giá cước cho thuê tàu điều chỉnh nhẹ -2% do: (i) hoạt động sản xuất chậm lại trong Tuần lễ vàng tại Trung Quốc; (ii) lo ngại nhu cầu yếu liên quan đến cuộc khủng hoảng điện tại Trung Quốc; và (iii) một số hãng tàu lớn như CMA CGM và Hapad Lloyd tạm ngừng tăng giá cước giao ngay. Chúng tôi cho rằng việc giá cước giao ngay điều chỉnh gần đây chủ yếu do phía cầu trong khi phía cung vẫn bị gián đoạn. **Chúng tôi duy trì quan điểm đợt điều chỉnh này chỉ mang tính ngắn hạn và giá cước vận tải và giá cho thuê tàu vẫn sẽ duy trì ở mức cao trong năm 2022, như đề cập trong báo cáo trước ([link](#)):**
  - ✓ Nhu cầu ước tính duy trì mạnh mẽ trong năm 2022 do nhu cầu đẩy mạnh nhập hàng tồn kho trong bối cảnh tỷ lệ hàng tồn kho/ doanh thu của các hãng bán lẻ Mỹ duy trì ở mức thấp kỷ lục.
  - ✓ Mặc dù tỷ lệ tàu đặt đóng mới/đội tàu hiện tại tăng lên mức đỉnh của 7 năm là 23%, tình trạng khan hiếm tàu chỉ có thể cải thiện từ 2023 do số lượng tàu bàn giao ước tính duy trì ở mức thấp trong năm 2022.
  - ✓ Tình trạng tắc nghẽn cảng khó có thể được giải quyết trong ngắn hạn do tình hình dịch bệnh vẫn phức tạp tại hầu hết các nước, đặc biệt là chính sách “không Covid-19” tại Trung Quốc kéo dài ít nhất đến Thế vận hội mùa đông 2022 tại Bắc Kinh (tháng 2/2022).

## World Container Index (USD trên mỗi tàu container 40ft)



Nguồn: Drewry

## Giá thuê tàu container (USD/day)



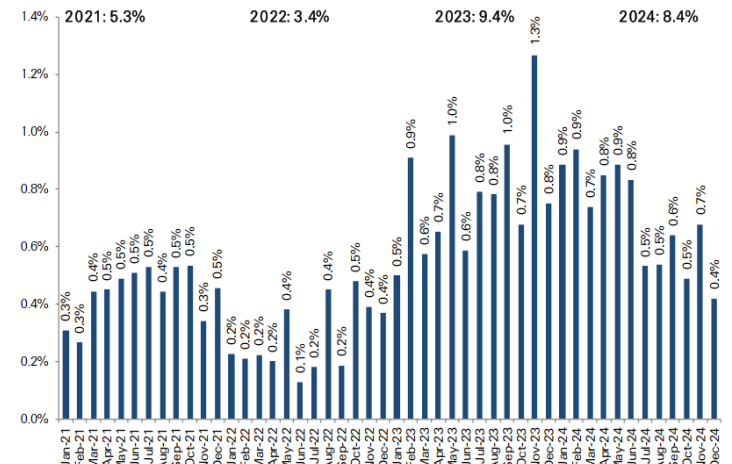
Nguồn: Harper Petersen

## Tỷ lệ hàng tồn kho/ doanh thu của ngành bán lẻ Mỹ



Nguồn: U.S. Census Bureau

## Lịch trình bàn giao tàu đóng mới (theo TEU và tính theo % trọng tải cuối năm 2020)



Nguồn: Clarksons, Deutsche Bank

## Ước tính của chúng tôi

Chúng tôi đánh giá chiến lược gia tăng các hợp đồng cho thuê tàu dài hạn sẽ hỗ trợ tích cực cho HAH trong 2 năm tới: (i) các tàu cho thuê có biên lợi nhuận ổn định và cao hơn so với tàu tự vận hành; và (ii) các tàu cho thuê giúp giảm rủi ro liên quan đến biến động giá dầu do HAH không phải chịu chi phí nhiên liệu. Do đó, chúng tôi tăng ước tính lợi nhuận 2021 và 2022 dựa trên giả định điều chỉnh như sau:

- Doanh thu tăng thêm từ việc cho thuê 2 tàu mới ở mức giá 32.000 USD/ngày/tàu, kể từ Q4/2021;
- Giá cước vận chuyển trong nước tăng theo lộ trình tăng giá mới, +20% trong năm 2021 và +10% trong năm 2022;
- Sản lượng vận chuyển trong nước năm 2022 giảm do số lượng tàu hoạt động giảm, -30% trong năm 2022.

Ước tính mới của chúng tôi như sau.

(tỷ đồng)	2020	Cũ		Mới	
		2021F	2022F	2021F	2022F
Doanh thu	1.192	1.882	2.389	1.887	2.089
YoY		58%	27%	58%	11%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông	138	330	566	383	660
YoY		139%	71%	177%	72%

Nguồn: SSI Research

**Rủi ro giảm đối với ước tính**, bao gồm: (i) giá cước giảm trong bối cảnh nhu cầu yếu; và (ii) tình trạng tắc nghẽn cảng được giải quyết sớm hơn ước tính.

## PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2019	2020	2021F	2022F
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	243	221	276	817
+ Đầu tư ngắn hạn	52	80	80	80
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	267	308	487	539
+ Hàng tồn kho	53	46	61	51
+ Tài sản ngắn hạn khác	49	41	63	68
<b>Tổng tài sản ngắn hạn</b>	<b>665</b>	<b>695</b>	<b>967</b>	<b>1.554</b>
+ Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0	0
+ GTCL Tài sản cố định	855	1.098	1.558	1.557
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	12	1	1	1
+ Đầu tư dài hạn khác	44	50	50	50
+ Tài sản dài hạn khác	252	250	334	277
<b>Tổng tài sản dài hạn</b>	<b>1.163</b>	<b>1.400</b>	<b>1.943</b>	<b>1.886</b>
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.828</b>	<b>2.095</b>	<b>2.911</b>	<b>3.440</b>
+ Nợ ngắn hạn	286	320	428	355
Trong đó: vay ngắn hạn	84	111	149	123
+ Nợ dài hạn	287	438	769	648
Trong đó: vay dài hạn	237	348	648	548
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>573</b>	<b>759</b>	<b>1.197</b>	<b>1.004</b>
+ Vốn góp	488	488	488	512
+ Thặng dư vốn cổ phần	116	116	116	116
+ Lợi nhuận chưa phân phối	201	252	496	947
+ Quý khác	451	480	614	862
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.255</b>	<b>1.336</b>	<b>1.713</b>	<b>2.436</b>
<b>Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.828</b>	<b>2.095</b>	<b>2.911</b>	<b>3.440</b>
<b>Lưu chuyển tiền tệ</b>				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	184	254	385	893
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-220	-361	-620	-200
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	7	84	290	-153
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>-29</b>	<b>-22</b>	<b>55</b>	<b>540</b>
Tiền đầu kỳ	272	243	221	276
<b>Tiền cuối kỳ</b>	<b>243</b>	<b>221</b>	<b>276</b>	<b>817</b>
<b>Các hệ số khả năng thanh toán</b>				
Hệ số thanh toán hiện hành	2,33	2,17	2,26	4,37
Hệ số thanh toán nhanh	1,97	1,90	1,97	4,04
Hệ số thanh toán tiền mặt	1,03	0,94	0,83	2,52
Nợ ròng / EBITDA	0,08	0,48	0,51	0,16
Khả năng thanh toán lãi vay	10,16	8,26	14,00	28,20
Ngày phải thu	39,5	40,6	36,8	42,9
Ngày phải trả	36,9	35,5	28,6	36,1
Ngày tồn kho	18,1	19,0	15,3	19,3
<b>Cơ cấu vốn</b>				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,69	0,64	0,59	0,71
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,31	0,36	0,41	0,29
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,46	0,57	0,70	0,41
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,26	0,34	0,47	0,28
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,07	0,08	0,09	0,05

Nguồn: HAH, SSI Research

Tỷ đồng	2019	2020	2021F	2022F
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh</b>				
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.109</b>	<b>1.192</b>	<b>1.887</b>	<b>2.089</b>
Giá vốn hàng bán	-890	-952	-1.273	-1.056
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>219</b>	<b>239</b>	<b>613</b>	<b>1.032</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	15	17	12	14
Chi phí tài chính	-17	-25	-41	-34
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-67	-68	-94	-104
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>153</b>	<b>170</b>	<b>496</b>	<b>914</b>
Thu nhập khác	3	0	22	0
Lợi nhuận trước thuế	156	170	518	914
<b>Lợi nhuận ròng</b>	<b>133</b>	<b>147</b>	<b>440</b>	<b>777</b>
<b>Lợi nhuận chia cho cổ đông</b>	<b>121</b>	<b>138</b>	<b>383</b>	<b>660</b>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	11	8	57	116
<b>Chỉ số tài chính</b>				
EPS cơ bản (VND)	2.417	2.801	7.761	12.437
Giá trị sổ sách (VND)	20.658	22.551	29.312	39.009
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	1.000	1.000	1.000	1.000
EBIT	173	194	558	947
EBITDA	290	331	741	1.148
<b>Tăng trưởng</b>				
Doanh thu	5,2%	7,5%	58,3%	10,7%
EBITDA	0,3%	14,1%	123,9%	55,0%
EBIT	-11,2%	11,8%	188,2%	69,8%
Lợi nhuận ròng	-16,5%	10,4%	200,4%	76,4%
Vốn chủ sở hữu	3,0%	6,5%	28,3%	42,2%
Vốn điều lệ	0,0%	0,0%	0,0%	4,9%
Tổng tài sản	10,4%	14,6%	39,0%	18,2%
<b>Định giá</b>				
PE	4,9	6,4	9,1	5,7
PB	0,6	0,8	2,4	1,8
Giá/Doanh thu	0,5	0,7	1,8	1,7
Tỷ suất cổ tức	8,4%	5,6%	1,4%	1,4%
EV/EBITDA	2,1	3,0	5,6	3,6
EV/Doanh thu	0,5	0,8	2,2	2,0
<b>Các hệ số khả năng sinh lời</b>				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	19,8%	20,1%	32,5%	49,4%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	14,6%	15,6%	28,1%	45,0%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	12,0%	12,3%	23,3%	37,2%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	6,1%	5,7%	5,0%	5,0%
ROE	10,7%	11,3%	28,9%	37,4%
ROA	7,6%	7,5%	17,6%	24,5%
ROIC	9,7%	9,9%	22,0%	28,7%

## KHUYẾN CÁO

Các thông tin, tuyên bố, dự đoán trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, là dựa trên các nguồn thông tin tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các nguồn thông tin này. Các nhận định trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra báo cáo. Các nhận định trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không báo trước. Báo cáo này không nên được diễn giải như một đề nghị mua hay bán bất cứ một cổ phiếu nào. SSI và các công ty con; cũng như giám đốc, nhân viên của SSI và các công ty con có thể có lợi ích trong các công ty được đề cập tới trong báo cáo này. SSI có thể đã, đang và sẽ tiếp tục cung cấp dịch vụ cho các công ty được đề cập tới trong báo cáo này. SSI sẽ không chịu trách nhiệm đối với tất cả hay bất kỳ thiệt hại nào hay sự kiện bị coi là thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay bất kỳ thông tin hoặc ý kiến nào của báo cáo này.

SSI nghiêm cấm việc sử dụng, và mọi sự in ấn, sao chép hay xuất bản toàn bộ hay từng phần bản Báo cáo này vì bất kỳ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của SSI.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

#### Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

### Chiến lược thị trường

#### Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên phân tích cao cấp

nganlt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

#### Nguyễn Trọng Đình Tâm

Chuyên viên phân tích

tamntd@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8713

### Phân tích kỹ thuật

#### Lương Biện Nhân Quyền

Trưởng phòng Chiến lược Đầu tư

quyenlbn@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321

#### Trần Trung Kiên

Chuyên viên cao cấp Phân tích Định lượng

kientt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321

### Phân tích cổ phiếu KHCN

#### Ngô Thị Kim Thanh

Chuyên viên phân tích cao cấp

thanhhtk@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3053

#### Nguyễn Thị Thanh Tú, CFA

Chuyên viên phân tích cao cấp

tuntt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8718

#### Lê Huyền Trang

Chuyên viên phân tích cao cấp

tranglh@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8717

### Dữ liệu

#### Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ

tanntk@ssi.com.vn

Tel: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715